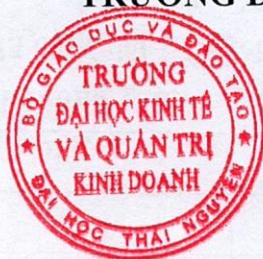


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ KINH DOANH

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành: 7340101

Thái Nguyên, 2020

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số: 573/QĐ-ĐHKT & QTKD-ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)*

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành: 7340101

Hình thức đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Tên khoa thực hiện CTĐT: Quản trị kinh doanh

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học.

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- **Thang điểm:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

- **Quy trình đào tạo:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

- **Điều kiện tốt nghiệp:**

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo: Không.

4. Mục tiêu đào tạo

Mục đích

Đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để tạo lập, điều hành, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của

các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội tại các địa phương trên cả nước; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức

Trang bị cho cử nhân Quản trị Kinh doanh những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn để vận dụng vào lĩnh vực kinh doanh. Có kiến thức cơ sở ngành và có kiến thức chuyên môn sâu để tạo lập và điều hành cơ sở kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

2. Kỹ năng

Trang bị cho sinh viên của ngành có kỹ năng cơ bản để điều hành hoạt động kinh doanh, năng lực hoạch định, lập kế hoạch kinh doanh, khả năng tự học, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức	
1.1	Hiểu biết các kiến thức cơ bản của khoa học xã hội như tri thức khoa học cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường để giải thích những vấn đề lý luận và thực tiễn trong kinh doanh;	2
1.2	Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu,	2

	giải quyết các vấn đề kinh doanh, ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh và các tổ chức kinh tế xã hội.	
1.3	Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản để đáp ứng yêu cầu của công việc kinh doanh như hiểu biết cơ bản về máy tính; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng thông dụng như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	2
1.4	Vận dụng các kiến thức của ngành và chuyên ngành như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá để tạo lập, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực trong các cơ sở kinh doanh.	3
1.5	Có kiến thức thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh và có định hướng về nghề nghiệp.	2
2.	Kỹ năng	
2.1.	Kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	2
2.2.	Các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong kinh doanh như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học.	2
2.3	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong thực tiễn kinh doanh.	2
2.4	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: Kỹ năng tạo lập và triển khai các hoạt động	2

	kinh doanh; Kỹ năng nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; Kỹ năng phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp, và hợp tác trong công việc kinh doanh.	
2.5	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh không xác định hoặc thay đổi, kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh và dự báo các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh	2
2.6	Các kỹ năng hành chính văn phòng như: Soạn thảo các văn bản và hồ sơ giao dịch cơ bản trong kinh doanh; Kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng và phương tiện hỗ trợ trong các cơ sở kinh doanh.	2
3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm đối với công việc và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể chịu được áp lực công việc cao trong môi trường kinh doanh.	2
3.2.	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;	2
3.3	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;	2
3.4	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh ở quy mô trung bình.	2

- Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)
- Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1		Phần Kiến thức giáo dục đại cương	32
2		Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83
2.1		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	30
2.2		<i>Kiến thức ngành</i>	24
2.3		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	27
2.4		<i>Thực tập nghề nghiệp/môn học</i>	2
2.5		<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	10
		Tổng toàn khóa	125

Ma trận thể hiện sự đóng của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT

1 = Mức đóng góp thấp; 2 = Mức đóng góp trung bình; 3 = Mức đóng góp cao

Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
Triết học Mác-Lênin	3						3	3		3	1	3	2	2	3
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3						3	3		3	1	3	2	2	3
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3						3	3		2	1	3	2	2	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						3	3		2	1	3	2	2	3
Lịch sử Đảng CSVN	3						3	3		2	1	3	2	2	3
Pháp luật đại cương	3						3	3		3	1	3	2	2	3
Tin học đại cương			3				3	3		2	3	3	2	2	3
Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3						3	3		3	1	3	3	3	3
Toán kinh tế	3						3	3		3	1	3	3	3	3
Tiếng Anh 1						3	3	3		2	2	2	2	2	2
Tiếng Anh 2						3	3	3		2	2	2	2	2	2
Tiếng Anh 3						3	3	3		2	2	2	2	2	2
Tiếng Anh 4						3	3	3		2	2	2	2	2	2
Tiếng Anh 5						3	3	3		2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	
Giáo dục thể chất 2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Giáo dục thể chất 3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2
Giáo dục quốc phòng	3											3			2
Kinh tế vi mô 1	3	3					3	3	3	3	2	3	3	3	
Kinh tế vĩ mô 1	3	3					3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị học	3	3					3	3	3	3	2	3	3	3	3
Tài chính - tiền tệ	3	3					3	3	2	3	2	3	3	3	3
Nguyên lý thống kê	3	3					3	3	2	3	2	3	3	3	3
Nguyên lý kế toán	3	3					3	3	2	3	2	3	3	3	3
Marketing căn bản	3	3					3	3	3	3	2	3	3	3	3
Ra quyết định quản trị	3	3					3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kinh tế lượng		3					3	3	2	3	3	3	3	3	3
Hệ thống thông tin trong quản lý				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Luật Kinh tế	3	3					3	3	2	3	2	3	3	3	
Pháp luật thương mại	3	3					3	3	2	3	2	3	3	3	3

hàng hóa và dịch vụ															
Pháp luật về thương nhân	3	3					3	3	2	3	2	3	3	3	3
Quản trị chiến lược				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị tài chính				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị nhân lực				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Thương mại điện tử				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Phân tích hoạt động kinh doanh				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Đạo đức kinh doanh và VH DN				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quan hệ công chúng				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Thị trường chứng khoán				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Thống kê doanh nghiệp				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Tin học ứng dụng				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Giao tiếp trong kinh doanh				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế				3	2		3	3	2	3	3	3	3	3	3
Kinh doanh quốc tế				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị hành chính văn phòng				3	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3
Quản trị doanh nghiệp				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kế toán tài chính				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị chất lượng				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị dự án				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị sản xuất				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị công nghệ và đổi mới				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị tri thức				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ thuật NV ngoại thương				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị bán hàng				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị quan hệ khách hàng				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Tâm lý học quản trị kinh doanh				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng quản trị				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị chuỗi cung ứng				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kế toán quản trị				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị kinh doanh thương mại				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị DN nhỏ và vừa				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Khởi sự kinh doanh				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản trị logistics				3	2		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Thực tập môn học				3	3		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Khóa luận tốt nghiệp				3	3		3	3	3	3	2	3	3	3	3
Thực tập tốt nghiệp				3	3		3	3	3	3	2	3	3	3	3

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP123	Triết học Mác-Lênin	3	0
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	MLP123
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	MLP123, MLE 121
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP123, MLE 121, SSO121
5	VCP 121	Lịch sử Đảng CSVN	2	MLP123, MLE 121, SSO121, HCM121
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	0
7	GIF131	Tin học đại cương	3	0
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	MAE131
9	MAE131	Toán kinh tế	3	0
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	0
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121,ENG122
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG121,ENG122, ENG123
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG121,ENG122, ENG123,ENG124
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	0
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011, PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	0

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

T T	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	Bắt buộc		24	
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	0
20	MAN231	Quản trị học	3	0
21	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	0
22	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231

23	FAM231	Tài chính - tiền tệ	3	MIE231, MLP123
24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	PST131, MAE131
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	0
26	DTH231	Ra quyết định quản trị	3	MIE231, MAE231, GEM231
	Tự chọn		6	
		Tổ hợp 1	3	
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	PST131, MIE231, MAE231
28	MIS231	Hệ thống thông tin trong quản lý	3	0
		Tổ hợp 2	3	
29	ELA231	Luật Kinh tế	3	LAW121
30	LGS231	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ	3	LOT331
31	LOT231	Pháp luật về thương nhân	3	0

7.2.2. Kiến thức ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	Bắt buộc		15	
32	STM331	Quản trị chiến lược	3	MIE231, MAE231, GEM231, MAN231
33	FIM331	Quản trị tài chính	3	MAN231
34	HRM331	Quản trị nhân lực	3	MAN231
35	ECM331	Thương mại điện tử	3	MAN231
36	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	PRS231, FAM231, GEM231, BUA331
	Tự chọn		9	
		Tổ hợp 1		
37	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3	GEM231
38	PRE331	Quan hệ công chúng	3	GEM231
39	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	FAM231
		Tổ hợp 2		
40	ENS331	Thống kê doanh nghiệp	3	PRS231
41	AIN331	Tin học ứng dụng	3	GIF131, FAM231, PAM331
		Tổ hợp 3		
42	CIB331	Giao tiếp trong kinh doanh	3	0
43	DED331	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	LAW121, ELA231
44	INB331	Kinh doanh quốc tế	3	MAN231

7.2.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	Bắt buộc		15	
45	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3	MAN231
46	ETM331	Quản trị doanh nghiệp	3	MIE231, MAE231, GEM231, MAN231
47	FAC 331	Kế toán tài chính	3	ACT231
48	QUA331	Quản trị chất lượng	3	MIE231, MAE231, GEM231, MAN231
49	PAM331	Quản trị dự án	3	0
	Tự chọn		12	
		Tổ hợp 1		
50	PRM331	Quản trị sản xuất	3	PRS231, PAM331, MAN231
51	MGT331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	MIE231, MAE231, MAN231
52	IKM331	Quản trị tri thức	3	MAN231
		Tổ hợp 2		
53	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3	0
54	SAM331	Quản trị bán hàng	3	GEM231
55	CRM331	Quản trị quan hệ khách hàng	3	GEM231
		Tổ hợp 3		
56	TBA331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	MLP123, MAN231, GEM231
57	MAS331	Kỹ năng quản trị	3	MAN231
		Tổ hợp 4		
58	SCM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3	MAN231
59	MAA331	Kế toán quản trị	3	ACT231, FAC 331

7.2.4. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		Khóa luận tốt nghiệp/các hp	6	

		cuối khóa		
		Tổ hợp 1		
60	CBM331	Quản trị kinh doanh thương mại	3	MAN231
61	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3	MIE231, MAE231, GEM231, MAN231
		Tổ hợp 2		
62	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3	MIE231, MAE231, GEM231, MAN231
63	LOM331	Quản trị logistics	3	0

8. Kế hoạch Đào tạo (phụ lục)

9. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Học phần: Triết học Mác – Lênin, Mã số HP: MLP 132

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mác – Lênin, từ đó giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

2. Học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Mã số HP: MLE121

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (KTTT); Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong KTTT; KTTT định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

3. Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học, Mã số HP: SSO121

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

4. Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Mã số HP: HCM 121

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Mã số HP: VCP 121

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 -

2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Học phần: Pháp luật đại cương, Mã số HP: LAW121

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

7. Học phần: Tin học đại cương, Mã số HP: GIF131

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 30 tiết (30 GTC), số tiết thực hành: 30 tiết (15 GTC)

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Tin học đại cương** trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

8. Học phần: Lý thuyết xác suất thống kê, Mã số HP: PST 131

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học trước: Toán kinh tế
- Môn học tiên quyết: không
- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

9. Học phần: Toán kinh tế, Mã số HP: MAE 131

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: không
- Môn học tiên quyết: không
- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

10. Học phần: Tiếng Anh 1, Mã số HP: ENG121

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: không
- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 1 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày. Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

11. Học phần: Tiếng Anh 2, Mã số HP: ENG122

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 2 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

12. Học phần: Tiếng Anh 3, Mã số HP: ENG123

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 3 là môn học tiếp nối môn học Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ

đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

13. Học phần: Tiếng Anh 4, Mã số HP: ENG124

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2,3

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

14. Học phần: Tiếng Anh 5, Mã số HP: ENG125

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2,3,4

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3,4

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh

đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

15. Học phần: Giáo dục thể chất 1, Mã số HP: PHEO11.

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04 tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

16. Học phần: Giáo dục thể chất 2, Mã số HP: PHEO12.

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04.tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: môn GDTC 1
- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

17. Học phần: Giáo dục thể chất 3, Mã số HP: PHEO13

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04.tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2
- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

18. Học phần: Giáo dục quốc phòng**19. Học phần: Kinh tế học vi mô 1, Mã số HP MIE231**

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. Học phần: Quản trị học, Mã số HP: MAN231

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị...

21. Học phần: Kinh tế học vĩ mô 1, Mã số HP MAE231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Kinh tế học vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là môn học cơ sở của khối ngành kinh tế. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ... nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

22. Học phần: Marketing Căn bản, Mã số HP: GEM231

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô,

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

23. Học phần: Tài chính tiền tệ, Mã số HP: FAM231

Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn

công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

24. Học phần: Nguyên lý thống kê, Mã số HP: PRS231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

25. Học phần: Nguyên lý kế toán, Mã số HP: ACT231

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: “Không”
- Môn học tiên quyết: “Không”
- Môn học song hành: Luật và chuẩn mực kế toán
- Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

26. Học phần: Ra quyết định quản trị, Mã số HP: DTH 231

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ trang bị các kiến thức cơ bản về vấn đề và quyết định trong quản trị từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định một cách khoa học, chính xác trong hoạt động quản trị kinh doanh. Giúp sinh viên nắm vững về những vấn đề liên quan đến việc ra quyết định như ra quyết định trong các điều kiện khác nhau, ra quyết định trong xây dựng chiến lược kinh doanh. Vận dụng linh hoạt được các kỹ năng ra quyết định trong các trường hợp cụ thể của doanh nghiệp.

27. Học phần: Kinh tế lượng Mã số HP: ECO231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

28. Học phần: Hệ thống thông tin trong quản lý, Mã số HP: MIS231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin. Người học hiểu các quá trình quản lý dữ liệu, viễn thông, Internet, thương mại và các hệ thống thông tin sử dụng trong doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, người học có thể Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp, xây dựng & lập kế hoạch phát triển CNTT trong doanh nghiệp.

29. Học phần: Luật Kinh tế, Mã số HP: ELA231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Pháp luật đại cương

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động... Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

30. Học phần: Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ, Mã số HP: LGS231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Pháp luật về thương nhân
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; các dịch vụ trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ logistic, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hàng hóa, dịch vụ... và giải quyết tranh chấp thương mại. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích, bình luận, đánh giá về các vấn đề liên quan đến các hoạt động thương mại, giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

31. Học phần: Pháp luật về thương nhân, Mã số HP: LOT231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: thương nhân, hoạt động thương mại, hệ thống kiến thức về bản chất pháp lý của các loại hình doanh nghiệp và thực thể kinh doanh khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để

phân tích, bình luận, đánh giá về các vấn đề liên quan đến luật thương mại, giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

32. Học phần: Quản trị chiến lược, Mã số HP STM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp người học có được tư duy về định hướng của một doanh nghiệp trong quá trình phát triển, đồng thời tạo cho người học biết trình tự cũng như cách thức để xây dựng một chiến lược cho một doanh nghiệp trong một giai đoạn cụ thể. Hiểu các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược. Nắm được phương pháp, công cụ sử dụng và các bước công việc trong hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp. Nhận diện được các kiểu chiến lược của doanh nghiệp. Nắm vững quy trình tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong các tổ chức. Vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược cho một tổ chức.

33. Học phần: Quản trị tài chính, Mã số HP: FIM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị tài chính cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: định giá tài sản tài chính, chi phí huy động và sử dụng vốn, quy trình đánh giá, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; xem xét cơ cấu tài chính, các chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu, các hoạt động quản trị vốn kinh doanh, cách xác định chi phí, doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp, các vấn đề về phân tích và hoạch định tài chính doanh nghiệp.

34. Học phần: Quản trị Nhân lực, Mã số HP: HRM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị Nhân lực sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị con người với vai trò là cá nhân, thành viên của tổ chức, doanh nghiệp và tổng hợp các giai đoạn, phương pháp quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, những

kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình quản trị nhân lực, kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới chủ yếu là quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, tương ứng với 3 giai đoạn: Hình thành, sử dụng và phát triển nhân lực trong tổ chức doanh nghiệp.

35. Học phần: Thương mại điện tử, Mã số HP: ECM331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 36 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

36. Học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh, Mã số HP: BAN331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, kế toán tài chính, tài chính – tiền tệ, marketing căn bản.
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành QTKD, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp; phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; gia tăng tiêu thụ, lợi nhuận và giải quyết vấn đề, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

37. Học phần: Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp, Mã số HP: ORC321

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:
- Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp, tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các hệ thống biểu trưng trực quan và phi trực quan, các dạng văn hóa doanh nghiệp, các bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp,... Từ đó sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp với vai trò là một thành viên hay một người tư vấn cho doanh nghiệp đó.

38. Học phần: Quan hệ công chúng, Mã số HP: PRE321

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:
- Môn học nghiên cứu các nguyên lý quan hệ công chúng trong kinh doanh. Môn học tập trung vào tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật được dùng để đạt được và duy trì hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong công chúng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; các phân tích về quan điểm và thái độ của công chúng; các chính sách quan hệ công chúng; áp dụng các lý thuyết về quan hệ công chúng vào các tình huống thực tế. Người học sẽ phải làm một nghiên cứu thực tế dựa trên kiến thức đã học.

39. Học phần: Thị trường chứng khoán, Mã số HP: SMK331

- Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho người học nắm được những kiến thức chung nhất về thị trường chứng khoán; Những vấn đề cơ bản về hàng hóa trên thị trường chứng khoán; Các chủ thể tham gia trên thị trường chứng khoán; Hiểu biết về các loại chứng khoán giao dịch trên thị trường; Cách thức giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung và thị trường chứng khoán phi tập trung... Qua đó giúp sinh viên có khả năng hiểu được những giao dịch diễn ra trên thị trường chứng khoán và phân tích được những biến động diễn ra trên thị trường chứng khoán.

40. Học phần: Thống kê doanh nghiệp**Mã số HP: ENS331**

Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế.

41. Học phần: Tin học ứng dụng, Mã số HP: AIN231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 30 tiết (30 GTC), số tiết thực hành: 30 tiết (15 GTC)

- Môn học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư, Tài chính - Tiền tệ 1
- Môn học tiên quyết: Tin học đại cương
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tin học ứng dụng cung cấp các kiến thức và kỹ năng căn bản của Microsoft Excel ứng dụng để giải các bài toán trong đầu tư tài chính như ứng dụng Excel trong lập và phân tích dự án đầu tư; quản trị rủi ro; giải bài toán lãi suất; ứng dụng Excel để làm kế toán; giải bài toán qui hoạch tuyến tính, bài toán vận tải; giải các bài toán thống kê phân tích tương quan;... Qua những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

42. Học phần: Giao tiếp trong kinh doanh, Mã số HP: CIB331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản như bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, môi trường giao tiếp kinh doanh, giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kỹ thuật soạn thảo văn bản như viết báo cáo và kế hoạch kinh doanh, viết thư, kỹ năng sử dụng Email, kỹ năng truyền tải các thông điệp thuyết phục và kỹ năng thuyết trình.

43. Học phần: Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế, Mã số HP: DED321

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Luật kinh tế
- Môn học tiên quyết: Pháp luật đại cương
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống và toàn diện bao gồm: văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng. Đồng thời người học được trang bị kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa, kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản.

44. Học phần: Kinh doanh quốc tế, Mã số HP: INB 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kinh doanh quốc tế cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về hoạt động kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Các thể chế, định chế trong kinh doanh quốc tế. Cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế trong thực tiễn, các loại hợp đồng kinh doanh quốc tế trong thực tiễn, trang bị kiến thức các yếu tố về chính trị, pháp luật và ảnh hưởng của yếu tố môi trường tới hiệu quả hoạt động kinh doanh quốc tế.

45. Học phần: Quản trị hành chính văn phòng Mã số HP ADM 331

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị hành chính văn phòng (HCVP) cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn phòng và quản trị HCVP tại các cơ quan, tổ chức. Bao gồm các nội dung như sau: Những vấn đề chung về văn phòng, HCVP và quản trị HCVP; quản trị thời gian, thông tin và hồ sơ; tổ chức các cuộc họp và chuyến đi công tác; thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản; soạn thảo văn bản tác nghiệp hành chính; nghiệp vụ lễ tân và giao tiếp hành chính; thư tín thương mại.

46. Học phần: Quản trị doanh nghiệp, Mã số HP: ETM 331

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Môn học song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và tổng hợp về Quản trị doanh nghiệp từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu một cách khoa học về Quản trị kinh doanh. Nắm vững các lý thuyết quản trị, các chức năng và các lĩnh vực quản trị có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp. Có khả năng tổ chức các hoạt động quản trị doanh nghiệp như: Hoạch định mục tiêu, xây dựng chiến lược, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Có khả năng quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, quản trị chi phí và kết quả, các chính sách tài chính trong doanh nghiệp, kiểm tra kiểm soát trong doanh nghiệp

47. Học phần: Kế toán tài chính (dành cho hệ ngoài ngành Kế toán), Mã số HP: FAC331

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT: 15 tiết, số tiết thảo luận: 60 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất với các phân hành kế toán cơ bản. Nội dung của học phần gồm tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán Tài sản cố định, Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả tiêu thụ; báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

48. Học phần: Quản trị chất lượng. Mã số HP: QUA 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học quản trị chất lượng trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chất lượng và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Hiểu được nội dung và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại để vận dụng vào thực tế công việc, cuộc sống hàng ngày nhằm đạt mục tiêu đã đề ra, và hạn chế sự sai sót. Sử dụng công cụ cần thiết để tính kiểm soát quá trình thực hiện công việc để đảm bảo chất lượng công việc góp phần đạt mục tiêu của tổ chức. Hiểu

được các yêu cầu của hệ thống quản trị chất lượng cơ bản như ISO 9001:2008 và từ đó tiếp cận với các hệ thống quản lý khác.

49. Học phần: Quản trị dự án Mã số HP: PAM331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc của ngành QTKD và tự chọn trong một số chuyên ngành khác nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về dự án, các nội dung chuyên sâu của công tác quản trị dự án như: Công tác lập kế hoạch, soạn thảo một dự án, phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội dự án, công tác tổ chức quản trị thời gian, tiến độ, phân phối các nguồn lực, kiểm soát và quản trị rủi ro dự án. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để có khả năng tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng đầu tư, lập và phân tích dự án, tổ chức điều phối hoạt động dự án và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự án thực tế, đưa ra những quyết định đúng đắn để dự án thực hiện có hiệu quả.

50. Học phần: Quản trị sản xuất 1, Mã số HP PRM 331

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, Quản trị dự án,
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học quản trị sản xuất 1 sẽ hiểu được hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, bao gồm các hoạt động như: dự báo doanh số sản phẩm, thiết kế sản phẩm & quy trình, công nghệ sản xuất, quản trị dự trữ, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, hoạch định tổng hợp, lựa chọn địa điểm sản xuất và một số phương pháp quản trị sản xuất tiên tiến để phân tích, thảo luận và bình luận những vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất. Nắm được mối liên hệ môn học quản trị sản xuất với các ngành nghề khác như tài chính, marketing, nhân sự... để hiểu và tiếp tục học tập.

51. Học phần: Quản trị công nghệ & đổi mới, Mã số HP: MGT 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học phân cung cấp các kiến thức về đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, phân tích quá trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xác định được năng lực công nghệ và thực hiện chuyển giao một công nghệ cụ thể, trong đó đi sâu vào tính toán và phân tích các chỉ tiêu về hàm lượng chất xám của công nghệ, năng lực hoạt động của công nghệ, giá trị đóng góp của công nghệ, để từ đó lựa chọn các phương án công nghệ và có phương pháp quản lý hiệu quả nhất trong việc sử dụng công nghệ.

52. Học phần: Quản trị tri thức, Mã số HP: IKM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: (1) Tri thức và Tài sản trí tuệ trong đó làm rõ khái niệm tri thức và vốn trí tuệ, Sáng tạo và NCKH, Định giá tài sản trí tuệ; (2) Quản trị tri thức bao gồm: Lịch sử phát triển quản trị tri thức, Các khung lý thuyết quản trị tri thức, Chu trình quản trị tri thức, Văn hóa tổ chức và chiến lược quản trị tri thức, Các mô hình trưởng thành quản trị tri thức, công nghệ thông tin và quản trị tri thức), (3) Kinh tế tri thức gồm: Đặc điểm của nền kinh tế tri thức, Sở hữu trí tuệ và vấn đề bảo hộ tài sản trí tuệ, Việt Nam trong lộ trình hướng đến nền kinh tế tri thức.

53. Học phần: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương

Mã số HP: TPR331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế; các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi; các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch; các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các giao dịch kinh doanh quốc tế.

54. Học phần: Quản trị bán hàng, Mã số HP: SAM331

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị bán hàng cung cấp cho người học những kiến thức trong lĩnh vực tiêu thụ hàng hóa và công tác quản trị tiêu thụ hàng hóa tại các doanh nghiệp, giúp người học vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào hoạt động quản trị bán hàng của doanh nghiệp.

Môn học Quản trị bán hàng- một môn học mang tính ứng dụng cao và rất lý thú sẽ giúp cho người học tiếp cận từ những khái niệm cơ bản về quản trị bán hàng, tầm quan trọng của hoạt động này và có cái nhìn tổng thể về toàn bộ môn học Quản trị bán hàng đó là: Bản chất của nghề bán hàng, Giám đốc bán hàng chuyên nghiệp, Lãnh đạo-Phân tích-Dự báo- Hạn ngạch và Lập ngân sách bán hàng, Quản lý năng suất của lực lượng bán hàng, Xây dựng đội ngũ bán hàng- tuyển dụng và lựa chọn, Thực hiện chương trình huấn luyện bán hàng, Quản lý đội ngũ bán hàng.

55. Học phần: Quản trị quan hệ khách hàng, Mã số HP: CRM331

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:
- Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.

56. Học phần: Tâm lý học quản trị kinh doanh, Mã số HP: TBA 331

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác - Lênin, Lịch sử các học thuyết kinh tế.
- Môn học tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Quản trị học, Marketing căn bản.
- Môn học song hành: Quản trị học, Marketing căn bản.
- Tóm tắt nội dung học phần: Tâm lý học quản trị kinh doanh là một học phần quan trọng dành cho khối ngành kinh tế. Bản thân môn học sẽ giúp người nghiên cứu biết được các hiện tượng tâm lý của con người và các quy luật tâm lý đó diễn ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn thế nữa, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận thực tiễn về tâm lý trong hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh, rèn luyện được các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, từ đó giúp sinh viên vận dụng hiệu quả vào đời sống hàng ngày cũng như công việc trong tương lai.

57. Học phần: Kỹ năng quản trị, Mã số HP: MAS 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học xong môn này người học nắm được kiến thức và kỹ năng thực hành quản trị kinh doanh, những hành trang và kinh nghiệm giúp cho người học có thể thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngay sau khi ra trường, đồng thời đáp ứng được sự thiếu hụt những kỹ năng và tài năng quản trị đối với các nhà quản trị mới vào nghề. Người học sẽ có khả năng đánh giá đúng khả năng của mình và biết cách làm thế nào để nâng cao kỹ năng quản trị của chính mình và cộng sự.

58. Học phần: Quản trị chuỗi cung ứng, Mã số HP: SCM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị chuỗi cung ứng giúp các công ty tập trung vào các sự khác biệt, độc đáo so với đối thủ cạnh tranh. Quản trị chuỗi cung ứng là sự thiết kế và quản trị các quá trình gia tăng giá trị nhằm đáp ứng các yêu cầu của những khách hàng cuối cùng. Môn học cung cấp cho người học các nội dung bao gồm: Quản trị chuỗi cung ứng và chiến lược cạnh

tranh; các chiến lược đáp ứng nhu cầu của khách hàng; thiết lập chuỗi cung ứng toàn cầu; đánh giá năng lực cốt lõi; quản trị quan hệ đối tác; quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ.

59. Học phần: Kế toán quản trị, Mã số HP: MAA 331

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận (bài tập): 18 tiết

- Môn học trước: Kế toán tài chính
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân loại chi phí; các phương pháp xác định chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận; định giá bán sản phẩm và hoàn vốn đầu tư; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; lập dự toán sản xuất kinh doanh.

60. Học phần: Quản trị kinh doanh thương mại, Mã số HP: CBM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về việc quản lý điều hành một doanh nghiệp thương mại kinh doanh trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Giúp cho người học nắm được: Các vấn đề về Kinh doanh thương mại và những nội dung cơ bản của hoạt động kinh doanh thương mại và những yêu cầu về phát triển Thương mại ở nước ta; Các kiến thức về quản lý và sử dụng các yếu tố đầu vào của kinh doanh thương mại như : hàng hóa, vốn, nhân lực, cơ sở vật chất, chi phí, logistics, cách thức xúc tiến bán hàng...để đạt được kết quả cao ở đầu ra như : tiêu thụ được nhiều hàng hóa, tiết kiệm chi phí, nâng cao lợi nhuận; Các kiến thức về phân tích, đánh giá được hiệu quả kinh doanh, đề ra các quyết định điều hành kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

61. Học phần: Quản trị doanh nghiệp nhỏ & vừa, Mã số HP: SME 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị DNNVV trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các nghiệp vụ, quy trình khởi

sự và điều hành các hoạt động kinh doanh nhỏ và hướng đến phát triển thành các doanh nghiệp vừa, cũng như tiền đề để điều hành doanh nghiệp lớn.

62. Học phần: Khởi sự Kinh doanh, Mã số HP: SBO 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản, Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu về giai đoạn khởi nghiệp của doanh nhân trong đó tập trung vào nghiên cứu về phẩm chất, tư duy của người doanh nhân, thẩm định, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện ý tưởng, gây dựng bộ máy nhân sự, dự trù tài chính để hình thành và vận hành doanh nghiệp

63. Học phần: Quản trị logistics, Mã số HP: LOM331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quan về quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả chi phí lưu thông, dự trữ nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho trong quá trình sản xuất sản phẩm cùng dòng thông tin tương ứng từ điểm đầu tiên đến điểm tiêu dùng cuối cùng nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế như quản trị nhu cầu, quản trị dự trữ, quản trị kho hàng hóa, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa, hệ thống thông tin logistics, và quản trị dịch vụ khách hàng.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

Nhà trường có 4 phòng thực hành, trang bị 207 bộ máy vi tính cho người học đáp ứng tốt thực hành các học phần trong chương trình đào tạo QTKD như: Tin học đại cương, Tin học ứng dụng và Thương mại điện tử.

10.2. Thư viện, trang Web

Nhà trường có thư viện, nguồn học liệu, phòng đọc. Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động. Nhà trường đã trang bị một phòng máy tính với 20 máy phục vụ độc giả truy cập nguồn tài liệu điện tử của Nhà trường và của Trung tâm học liệu –Đại học Thái Nguyên.

Các website truy cập:

1. <http://tttv.tueba.edu.vn/>

2. <http://lrc.tnu.edu.vn/>

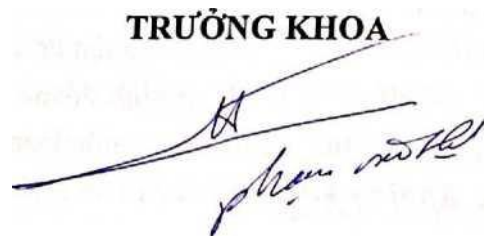
11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỜNG KHOA



Handwritten signature: Phạm Văn Thanh

Phụ lục A:

1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1,2;1.4;1.5
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.4
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.4
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.2
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.4
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.5
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.4
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.3; 2.6
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.1
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3.2; 3.3
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.4

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng;

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;

Mức 2: Đáp ứng một phần;

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;

Chuẩn đầu ra CTĐT	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
1.1	3	3
1.2	3	2
1.3	3	2
1.4	3	2
1.5	3	2

2.1	3	2
2.2	3	2
2.3	3	3
2.4	3	2
2.5	3	3
2.6	3	2
3.1	3	2
3.2	3	3
3.3	3	3
3.4	3	3

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT

1.1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT QTKD – Khoa QTKD do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: CĐR của các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong và ngoài nước ban hành, Ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT Quản trị kinh doanh tổng hợp – Khoa QTKD hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

1.2. Nội dung

- Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT QTKD với CĐR các CTĐT trong và ngoài nước (nếu có).
- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT QTKD với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng lao động và Cựu người học.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT QTKD- TUEBA	CĐR CTĐT QTKD Trường ĐH Ngoại thương	CĐR CTĐT QTKD Trường ĐH Kinh tế quốc dân	CĐR CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
Kiến thức						
G1.1. Hiểu biết các kiến thức cơ bản của khoa học xã hội, những tri thức khoa học cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường để giải thích	X-70%	X-80%	X – 95%	X – 40%	X- 50%	

những vấn đề lý luận và thực tiễn trong kinh doanh.						
G1.2. Nắm vững các kiến thức của về cơ sở khoa học của quản lý và quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề kinh doanh và ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội	X-80%	X-85%	X-50%	X-75%	X-60%	
G1.3. Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản để đáp ứng yêu cầu của công việc kinh doanh như hiểu biết cơ bản về máy tính; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng thông dụng như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD	-	-	X-60%	X-90%	X-90%	
G1.4. Vận dụng kiến thức của ngành và chuyên ngành để khởi sự doanh nghiệp; hoạch định chiến lược doanh nghiệp, xây dựng các dự án kinh doanh, kế hoạch kinh doanh; tổ chức và phối hợp các nguồn lực nhằm thực hiện các quyết định quản lý, kinh doanh của doanh nghiệp; Kiểm soát, điều chỉnh hoạt động trong các lĩnh vực quản trị của doanh nghiệp.	X-80%	X-50%	X-90%	X-95%	X-95%	
G1.5. Có kiến thức thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng về nghề nghiệp.	-	-	X-90%	X-90%	X-80%	
Kỹ năng						
G2.1. Kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc	X-70%	30%	X-95%	X-50%	X-30%	

chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD						
G2.2. Các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị doanh nghiệp như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học	X-90%	X-80%	X-90%	X-70%	X-85%	
G2.3. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong thực tiễn kinh doanh	X-70%	-	X-80%	X-30%	X-60%	
G2.4. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: Kỹ năng tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; Kỹ năng phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp, và hợp tác trong công việc kinh doanh.	X-60%	-	X-50%	X-75%	X-65%	
G2.5. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh không xác định hoặc thay đổi, kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh và dự báo các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh	-	-	-	X-80%	X-80%	
G2.6. Các kỹ năng hành chính văn phòng như: Soạn thảo các văn bản và hồ sơ giao dịch cơ bản trong kinh doanh; Kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng và phương tiện hỗ trợ trong các cơ sở kinh doanh	-	X-50%	X-80%	X-90%	X-95%	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
G3.1. Làm việc độc lập hoặc làm	X-90%	X-70%	X-60%	X-	X-	

việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm đối với công việc và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể chịu được áp lực công việc cao trong môi trường kinh doanh				95%	70%	
G3.2. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	X-80%	-	X-50%	X-50%	X-60%	
G3.3. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật	X-70%	-	X-80%	X-40%	X-50%	
G3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh ở quy mô trung bình	X-70%	X-50%	X-75%	X-20%	X-30%	

1.3. Đánh giá chung

1.3.1. Ưu điểm

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế và QTKD đã phản ánh phù hợp và rất chi tiết những yêu cầu người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo QTKD cũng như những vị trí mà người học có thể làm việc mang tính đa dạng phù hợp với nội dung đào tạo và phù hợp với nhu cầu bức thiết của đời sống xã hội hiện nay.

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế và QTKD có sự tương đồng, nhất quán với khung năng lực trình độ quốc gia.

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế và QTKD được sự đồng ý và ghi nhận của người sử dụng lao động và cựu sinh viên.

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế và QTKD tương đối chi tiết so với ngành tương tự tại một số trường đại học trong nước, có một số nội dung như kỹ năng phản biện phê phán và kỹ năng dẫn dắt chuyên môn tại một số trường không có.

1.3.2. Hạn chế

- Tuy CĐR CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế và QTKD có những ưu điểm nhất định, nhưng trong tương lai, cần phải nâng dần tiêu chuẩn để sau khi học xong chương

trình, sinh viên có thể làm việc được ngay tại các vị trí việc làm tương ứng theo yêu cầu ngày càng cao của xã hội nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT

2.1. Đối sánh CTĐT Quản trị kinh doanh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo trong nước

Mục tiêu

Nhằm đối sánh CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong nước ban hành, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Nội dung

Đối sánh CTĐT Quản trị kinh doanh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo sau đây:

- + Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh - Trường ĐH Ngoại thương;
- + Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh - ĐH Kinh tế - ĐHQG HN;
- + Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh - ĐH Kinh tế Quốc dân.

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
				CTĐT Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Ngoại thương)	CTĐT Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh tế - ĐHQG HN)	CTĐT Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh tế Quốc dân)	Ghi chú
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>	<8>	<9>
1	Phần Kiến thức đại cương		34				
1	MLP132	Triết học Mác - Lênin	3				
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				

4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2	2	
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2				
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	3	2	3	
7	GIF131	Tin học đại cương	3	3	3		
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	3	3	
9	MAT131	Toán kinh tế	3		3		
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	3	4	9	
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	3	5		
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	3	5		
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	3			
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	3			
15	ENG126	Tiếng Anh 6*	2				
16	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	150 tiết	4 TC	4 TC	
17	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				
18	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết				
19		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	165 tiết	8 TC	8 TC	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
2,1	Kiến thức cơ sở ngành		30				
2.1.1	Bắt buộc		24				
1	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	3	3	3	
2	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3	3	
3	FAM231	Quản trị học (căn bản)	3	3	3		
4	PSE231	Tài chính - tiền tệ 1	3		4		
5	ACT231	Nguyên lý thống kê	3	3			
6	GEM231	Nguyên lý kế toán	3	3	3	3	
7	ELA231	Marketing căn bản	3	3	3		
8	DTH231	Ra quyết định quản trị	3				
2.1.2	Tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		6				
2.1.2.1	Nhóm công cụ phân tích kinh tế		3				
	SYT331	Lý thuyết hệ thống	3				
	ECO231	Kinh tế lượng	3	3			

2.1.2.2	Nhóm Luật		3				
		Luật Kinh tế (căn bản)	3		3		
		Luật doanh nghiệp	3				
2,2	Kiến thức ngành		24				
2.2.1	Bắt buộc		15				
	STM331	Quản trị chiến lược	3	3		3	
	FIM331	Quản trị tài chính	3	3	3	3	
	HRM331	Quản trị nhân lực	3	3	3	3	
	ECM331	Thương mại điện tử	3	3	3		
	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
2.2.2	Tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		9				
2.2.2.1		Nhóm văn hóa doanh nghiệp	3				
	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3	3	3	6	
	PRE331	Quan hệ công chúng	3				
2.2.2.2		Nhóm công cụ quản lý	3				
	ENS331	Thống kê doanh nghiệp	3				
	AIN331	Tin học ứng dụng	3		3		
	MIS331	Hệ thống thông tin trong quản lý	3				
2.2.2.3		Nhóm Giao tiếp và đàm phán	3				
	TOU231	Giao tiếp trong kinh doanh	3	3		3	
	NEB331	Đàm phán trong kinh doanh	3				
2,3	Kiến thức chuyên ngành		27				
2.3.1	Bắt buộc		15				
	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3				
	BAD331	Quản trị kinh doanh tổng hợp 1	3			3	
	CSM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3			3	

	QUA331	Quản trị chất lượng	3	3	3	3	
	PAM331	Quản trị dự án	3	3			
2.3.2	Tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		12				
2.3.2.1		Quản trị sản xuất và đổi mới	3				
	PMA331	Quản trị sản xuất 1	3				
	MGT331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3				
2.3.2.2		Logistics	3				
	LOM331	Quản trị logistics	3			3	
	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3				
	SAM331	Quản trị bán hàng	3				
2.3.2.3		Phương pháp quản trị kinh doanh	3				
	PBA331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3				
	MAS331	Kỹ năng quản trị	3				
2.3.2.4		Kế toán	3				
	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3				
	MAA331	Kế toán quản trị	3	3	3		
2,4	COP421	Thực tập môn học	2	3	2		
3	Khóa luận tốt nghiệp		10			10	
3,1	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	6	6		
3,2	THW964	Khóa luận tốt nghiệp	6	9	6		
	Tự chọn thay làm khóa luận (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		6	3			
3.2.1		Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh	3				
	BAD332	Quản trị kinh doanh tổng hợp 2	3			3	
	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3	3	3	3	
3.2.2		Quản trị điều hành	3				
	PMA332	Quản trị sản xuất 2	3				
	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3				

TT	Những môn học không có trong Khung chương trình QTKD Trường ĐH KIT&QTKD	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
			CTĐT Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Ngoại thương)	CTĐT Quản trị kinhdoanh (ĐH Kinh tế - ĐHQG HN)	CTĐT Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh tế Quốc dân)	Ghi chú
1	Toán cao cấp		3	3		
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin		5	5	5	
3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	3	
4	Kinh doanh quốc tế		3	3	3	
5	Hành vi tổ chức			2	3	
6	Kỹ năng hỗ trợ			3		
7	Quản trị marketing			2	3	
8	Thống kê kinh doanh			3		
9	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3	3		
10	Quản trị dịch vụ				3	
11	Quản trị thương hiệu				3	
12	Thị Trường chứng khoán			2		
13	Quản trị tác nghiệp		3		6	
14	Chính sách thương mại quốc tế		3			
15	Giao dịch thương mại quốc tế		3			
16	Pháp luật kinh doanh quốc tế		3			
17	Quản trị marketing quốc tế		3			
18	Kỹ năng làm việc nhóm			3		
19	Kỹ năng viết			2		

***Đánh giá chung**

Chương trình đào tạo ngành QTKD trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh có tổng số tín chỉ của chương trình là 127TC, trong đó có 34TC là phần kiến thức chuyên ngành, 83 TC là kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và 10TC khóa luận tốt nghiệp.

Nhìn chung, chương trình đào tạo chuyên ngành QTKD của Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh có số lượng tín chỉ khá ít so với một số trường top về kinh tế nói chung và QTKD nói riêng. Trong đó số lượng học phần tự chọn là khá nhiều so với một số trường khác như trường KTQD có 15TC tự chọn, thậm chí trường ĐH Kinh tế thuộc đại học quốc gia HN chỉ có 9TC tự chọn. Điều đó cho thấy Nhà trường đề cao tính tự chủ trong học tập của sinh viên. Sinh viên có thể lựa chọn những môn học phù hợp với định hướng học tập của mình hơn.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra vẫn là trong những môn học tự chọn, làm thế nào để có thể định hướng cho sinh viên tự chọn môn học một cách đúng đắn nhất và cần phải có nhiều môn học tự chọn hơn, cũng như nhiều tín chỉ tự chọn hơn để có thể phù hợp đúng với hình thức học theo tín chỉ, cũng như đề cao tính độc lập, tự định hướng học tập của sinh viên, từ đó đào tạo ra được nguồn lao động trí óc có thái độ tự chủ và tính chủ động trong công việc.

Nội dung	CTĐT QTKD trường ĐH Kinh tế & QTKD	CTĐT Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Ngoại thương)	CTĐT Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh tế - ĐHQG HN)	CTĐT Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh tế Quốc dân)
Tổng số tín chỉ	127	136	135	128
Số tín chỉ bắt buộc	94	127	102	95
Số tín chỉ tự chọn	33	9	32	33

2.2. Đối sánh CTĐT Quản trị kinh doanh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nước ngoài

Nhằm đối sánh CTĐT QTKD do Nhà trường xây dựng với chương trình nước ngoài, điển hình là chương trình đào tạo QTKD của học viện Hồng Hà – Trung Quốc, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Chương trình đào tạo ngành QTKD trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh có tổng số tín chỉ của chương trình là 127TC, trong đó có 34TC là phần kiến thức chuyên ngành, 83 TC là kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và 10TC khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung	Khung CTĐT QTKD trường ĐH Kinh tế & QTKD	Khung CTĐT QTKD Học viện Hồng Hà
Tổng số tín chỉ	127	124
Tổng số học phần	50	42
Số tín chỉ bắt buộc	94	99
Số tín chỉ tự chọn	33	25
Số hướng chuyên ngành	01	01

So sánh các môn học thuộc khung chương trình của 2 chương trình

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong Chương trình đào tạo tham khảo (TC)	
				Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh Học viện Hồng Hà	Ghi chú
<1>		<2>	<3>	<6>	<9>
1	Phần Kiến thức đại cương		34		
1	MLP132	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6	Thay thế bằng môn học tư tưởng Mao Trạch Đông
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	Thay thế bằng môn học Lịch sử cận hiện đại
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	3	
7	GIF131	Tin học đại cương	3		
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
9	MAT131	Toán kinh tế	3	4	
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	2	
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	2	

12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	2	
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	2	
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2		
15	ENG126	Tiếng Anh 6*	2		
16	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	4	
17	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết		
18	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết		
19		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	1	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		83		
2,1	Kiến thức cơ sở ngành		30		
2.1.1	Bắt buộc		24		
1	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3		
2	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3		
3	FAM231	Quản trị học (căn bản)	3	3	
4	PSE231	Tài chính - tiền tệ 1	3	3	
5	ACT231	Nguyên lý thống kê	3	2	
6	GEM231	Nguyên lý kế toán	3	2	Tự chọn
7	ELA231	Marketing căn bản	3	2	Tự chọn
8	DTH231	Ra quyết định quản trị	3		
2.1.2	Tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		6		
2.1.2.1	Nhóm công cụ phân tích kinh tế		3		
	SYT331	Lý thuyết hệ thống	3		
	ECO231	Kinh tế lượng	3		
2.1.2.2	Nhóm Luật		3		
		Luật Kinh tế (căn bản)	3	2	Tự chọn
		Luật doanh nghiệp	3		
2,2	Kiến thức ngành		24		
2.2.1	Bắt buộc		15		
	STM331	Quản trị chiến lược	3	2	
	FIM331	Quản trị tài chính	3	3	
	HRM331	Quản trị nhân lực	3	2	
	ECM331	Thương mại điện tử	3	2	
	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
2.2.2	Tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		9		
2.2.2.1	Nhóm văn hóa doanh nghiệp		3		
	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3		
	PRE331	Quan hệ công chúng	3		
2.2.2.2	Nhóm công cụ quản lý		3		
	ENS331	Thống kê doanh nghiệp	3		
	AIN331	Tin học ứng dụng	3		

	MIS331	Hệ thống thông tin trong quản lý	3		
2.2.2.3		Nhóm Giao tiếp và đàm phán	3		
	TOU231	Giao tiếp trong kinh doanh	3	2	Tự chọn
	NEB331	Đàm phán trong kinh doanh	3	2	Tự chọn
2,3	Kiến thức chuyên ngành		27		
2.3.1	Bắt buộc		15		
	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3		
	BAD331	Quản trị kinh doanh tổng hợp 1	3		
	CSM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3		
	QUA331	Quản trị chất lượng	3		
	PAM331	Quản trị dự án	3		
2.3.2	Tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		12		
2.3.2.1	Quản trị sản xuất và đổi mới		3		
	PMA331	Quản trị sản xuất 1	3		
	MGT331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3		
2.3.2.2	Logistics		3		
	LOM331	Quản trị logistics	3		
	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3		
	SAM331	Quản trị bán hàng	3		
2.3.2.3	Phương pháp quản trị kinh doanh		3		
	PBA331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3		
	MAS331	Kỹ năng quản trị	3		
2.3.2.4	Kế toán		3		
	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3		
	MAA331	Kế toán quản trị	3		
2,4	COP421	Thực tập môn học	2	1	
3	Khóa luận tốt nghiệp		10		
3,1	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	5	
3,2	THW964	Khóa luận tốt nghiệp	6	4	
	Tự chọn thay làm khóa luận (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		6		
3.2.1	Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh		3		
	BAD332	Quản trị kinh doanh tổng hợp 2	3		
	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3		
3.2.2	Quản trị điều hành		3		
	PMA332	Quản trị sản xuất 2	3		
	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3		
-	Tổng (2.2+2.3+2.4+3)		0		
-	Tổng (1+2.1)		0		
	Tổng toàn khóa		127		
TT	Những môn học không có trong Khung chương trình QTKD Trường ĐH KT&QTKD		Số TC	Ghi chú	
1	Thời sự và chính sách		2	Bắt buộc	

2	Lựa chọn nghề nghiệp	0,5	Bắt buộc	
3	Lịch sử và văn hóa	2	Tự chọn	
4	Khoa học xã hội và văn minh nhân loại	2	Tự chọn	
5	Tiến bộ kỹ thuật và tư tưởng khoa học	2	Tự chọn	
6	Môi trường sinh thái và sự sống	2	Tự chọn	
7	Sáng tạo nghệ thuật và thẩm mỹ	2	Tự chọn	
8	Kinh tế quản lý và đời sống hiện đại	2	Tự chọn	
9	Ngôn ngữ và kỹ năng cơ bản	2	Tự chọn	
10	Công nghệ thông tin	2	Tự chọn	
11	Sáng tạo khởi nghiệp	2	Tự chọn	
12	Kinh tế học Tây phương	4	Tự chọn	
13	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Tự chọn	
14	Kỹ năng ngoại ngữ thương mại	2	Tự chọn	
15	Quản trị doanh nghiệp	2	Tự chọn	
16	Lịch sử quản trị học	2	Tự chọn	
17	Quan hệ công chúng	2	Tự chọn	
18	Đạo đức nghề nghiệp	2	Tự chọn	
19	Hành vi tổ chức	2	Tự chọn	
20	Điều tra xã hội	2	Tự chọn	
21	Khởi nghiệp bằng thương mại điện tử	2	Tự chọn	
22	Nghiên cứu tài liệu	2	Tự chọn	
23	Chuyên đề về phát triển kinh tế Văn Nam	2	Tự chọn	
24	Đặc điểm nguồn lực cao nguyên	2	Tự chọn	
25	Thực hành viết văn bản tài chính kinh tế	2	Tự chọn	
26	Quản trị Marketing	3	Tự chọn	
27	Chiến lược doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	Tự chọn	
28	Quản trị tài sản và tài chính	2	Tự chọn	
29	Chiến lược quản lý nguồn nhân lực	2	Tự chọn	
30	Chiến lược Marketing	2	Tự chọn	
31	Lãnh đạo và tổ chức	2	Tự chọn	
32	Quản trị kinh doanh xuyên biên giới	2	Tự chọn	
33	Khởi sự và khởi nghiệp	2	Tự chọn	

3. Nội dung báo cáo đối sánh học phần

- | | |
|--|-------------------------|
| 1. Triết học Mác-Lênin | 11. Tiếng Anh 2 |
| 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 12. Tiếng Anh 3 |
| 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học | 13. Tiếng Anh 4 |
| 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh | 14. Tiếng Anh 5 |
| 5. Lịch sử Đảng CSVN | 15. Giáo dục thể chất 1 |
| 6. Pháp luật đại cương | 16. Giáo dục thể chất 2 |
| 7. Tin học đại cương | 17. Giáo dục thể chất 3 |
| 8. Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 18. Giáo dục quốc phòng |
| 9. Toán kinh tế | 19. Kinh tế vi mô 1 |
| 10. Tiếng Anh 1 | 20. Quản trị học |

21. Kinh tế vĩ mô 1
22. Marketing căn bản
23. Tài chính - tiền tệ
24. Nguyên lý thống kê
25. Nguyên lý kế toán
26. Ra quyết định quản trị
27. Kinh tế lượng
28. Hệ thống thông tin trong quản lý
29. Luật Kinh tế
30. Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ
31. Pháp luật về thương nhân
32. Quản trị chiến lược
33. Quản trị tài chính
34. Quản trị nhân lực
35. Thương mại điện tử
36. Phân tích hoạt động kinh doanh
37. Đạo đức kinh doanh và VH DN
38. Quan hệ công chúng
39. Thị trường chứng khoán
40. Thống kê doanh nghiệp
41. Tin học ứng dụng
42. Giao tiếp trong kinh doanh
43. Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế
44. Kinh doanh quốc tế
45. Quản trị hành chính văn phòng
46. Quản trị doanh nghiệp
47. Kế toán tài chính
48. Quản trị chất lượng
49. Quản trị dự án
50. Quản trị sản xuất
51. Quản trị công nghệ và đổi mới
52. Quản trị tri thức
53. Kỹ thuật NV ngoại thương
54. Quản trị bán hàng
55. Quản trị quan hệ khách hàng
56. Tâm lý học quản trị kinh doanh
57. Kỹ năng quản trị
58. Quản trị chuỗi cung ứng
59. Kế toán quản trị
60. Quản trị kinh doanh thương mại
61. Quản trị DN nhỏ và vừa
62. Khởi sự kinh doanh
63. Quản trị logistics

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**Ngành: Quản trị kinh doanh****CTĐT: Quản trị kinh doanh****Mã ngành: 7340101****Thời gian đào tạo: 4 năm**

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. Khối Kiến thức đại cương			32										
1	MLP132	Triết học Mác-Lênin	3	36	18	3							
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2						
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2				
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2			
5	VCP121	Lịch sử Đảng CSVN	2	24	12						2		
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
7	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18		3						
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18	3							
9	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18		3						
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			83										
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30										
	Bắt buộc		24										
19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAN231	Quản trị học	3	36	18	3							
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	36	18		3						
22	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18		3						
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	36	18			3					

24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
26	DTH231	Ra quyết định quản trị	3	36	18			3					
	<i>Tự chọn</i>		6										
27		<i>Tổ hợp 1</i>	3					3					
	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18								
	MIS231	Hệ thống thông tin trong quản lý	3	36	18								
28		<i>Tổ hợp 2</i>	3					3					
	ELA231	Luật Kinh tế	3	36	18								
	LGS 231	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ	3	36	18								
	LOT231	Pháp luật về thương nhân	3	36	18								
2.2	Kiến thức ngành		24										
	<i>Bắt buộc</i>		15										
29	STM331	Quản trị chiến lược	3	36	18					3			
30	FIM331	Quản trị tài chính	3	36	18							3	
31	HRM331	Quản trị nhân lực	3	36	18					3			
32	ECM331	Thương mại điện tử	3	36	18				3				
33	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	36	18							3	
	<i>Tự chọn</i>		9										
34		<i>Tổ hợp 1</i>						3					
	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3	36	18								
	PRE331	Quan hệ công chúng	3	36	18								
	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	36	18								
35		<i>Tổ hợp 2</i>						3					
	ENS331	Thống kê doanh nghiệp	3	36	18								
	AIN331	Tin học ứng dụng	3	36	18								
36		<i>Tổ hợp 3</i>						3					
	CIB331	Giao tiếp trong kinh doanh	3	36	18								
	DED331	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	36	18								
	INB331	Kinh doanh quốc tế	3	36	18								
2.3	Kiến thức chuyên ngành		27										
	<i>Bắt buộc</i>		15										
37	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3	36	18						3		
38	ETM331	Quản trị doanh nghiệp	3	36	18					3			
39	FAC331	Kế toán tài chính	3	36	18						3		
40	QUA331	Quản trị chất lượng	3	36	18							3	
41	PAM331	Quản trị dự án	3	36	18						3		
	<i>Tự chọn</i>		12										

42		<i>Tổ hợp 1</i>											
	PRM331	Quản trị sản xuất	3	36	18								
	MGT331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	36	18								
	IKM331	Quản trị tri thức	3	36	18								
43		<i>Tổ hợp 2</i>											
	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3	36	18								
	SAM331	Quản trị bán hàng	3	36	18								
	CRM331	Quản trị quan hệ khách hàng	3	36	18								
44		<i>Tổ hợp 3</i>											
	TBA331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	36	18								
	MAS331	Kỹ năng quản trị	3	36	18								
45		<i>Tổ hợp 4</i>											
	SCM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3	36	18								
	MAA331	Kế toán quản trị	3	36	18								
2.4	PSA421	Thực tập môn học ngành QTKD	2								2		
2.5	UIA441	Thực tập tốt nghiệp ngành QTKD	4										4
2.6	UTA961	KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận	6										6
46		<i>Tổ hợp 1</i>											
	CBM331	Quản trị kinh doanh thương mại	3	36	18								x
	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3	36	18								
47		<i>Tổ hợp 2</i>											
	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3	36	18								x
	LOM331	Quản trị logistics	3	36	18								
Tổng tín chỉ toàn khóa			125			16	16	17	16	16	16	18	10

Ghi chú: Các học phần Thực tập môn học bao gồm các học phần: Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực

* Trong các học phần (HP) tự chọn của các khối kiến thức sẽ chia thành các tổ hợp, các HP tự chọn của mỗi tổ hợp đảm bảo tính tương đồng về kiến thức, kỹ năng, năng lực và cùng đáp ứng một số CDR của CTĐT.

- 6 tín chỉ tự chọn khối kiến cơ sở ngành chia các HP thành 02 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

- 9 tín chỉ tự chọn khối kiến ngành chia các HP thành 03 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

- 12 tín chỉ tự chọn khối kiến chuyên ngành chia các HP thành 04 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

- 6 tín chỉ tự chọn cuối khóa chia các HP thành 02 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần

1. Triết học Mác-Lênin
2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh
5. Lịch sử Đảng CSVN
6. Pháp luật đại cương
7. Tin học đại cương
8. Lý thuyết xác suất và thống kê toán
9. Toán kinh tế
10. Tiếng Anh 1
11. Tiếng Anh 2
12. Tiếng Anh 3
13. Tiếng Anh 4
14. Tiếng Anh 5
15. Giáo dục thể chất 1
16. Giáo dục thể chất 2
17. Giáo dục thể chất 3
18. Giáo dục quốc phòng
19. Kinh tế vi mô 1
20. Quản trị học
21. Kinh tế vĩ mô 1
22. Marketing căn bản
23. Tài chính - tiền tệ
24. Nguyên lý thống kê
25. Nguyên lý kế toán
26. Ra quyết định quản trị
27. Kinh tế lượng
28. Hệ thống thông tin trong quản lý
29. Luật Kinh tế
30. Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ
31. Pháp luật về thương nhân
32. Quản trị chiến lược
33. Quản trị tài chính
34. Quản trị nhân lực
35. Thương mại điện tử
36. Phân tích hoạt động kinh doanh
37. Đạo đức kinh doanh và VH DN
38. Quan hệ công chúng
39. Thị trường chứng khoán
40. Thống kê doanh nghiệp
41. Tin học ứng dụng
42. Giao tiếp trong kinh doanh
43. Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế
44. Kinh doanh quốc tế
45. Quản trị hành chính văn phòng
46. Quản trị doanh nghiệp
47. Kế toán tài chính
48. Quản trị chất lượng
49. Quản trị dự án
50. Quản trị sản xuất
51. Quản trị công nghệ và đổi mới
52. Quản trị tri thức
53. Kỹ thuật NV ngoại thương
54. Quản trị bán hàng
55. Quản trị quan hệ khách hàng
56. Tâm lý học quản trị kinh doanh
57. Kỹ năng quản trị
58. Quản trị chuỗi cung ứng
59. Kế toán quản trị
60. Quản trị kinh doanh thương mại
61. Quản trị DN nhỏ và vừa
62. Khởi sự kinh doanh
63. Quản trị logistics